

Bản án số: 39/2021/HS-ST

Ngày 24 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Thẩm phán:

Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Quang

Bà Nguyễn Thị Tính

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Cao Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST- HS ngày 12 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/HSST-QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST-QĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Trịnh Thị H, sinh năm 1977 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT: Số nhà 111, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Xóm T, thôn G, xã H, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình T và bà Vũ Thị T; có chồng: Vũ Lai T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Đến ngày 12/3/2021 có đơn xin phép được lên tạm trú tại thôn G, xã H, huyện T, thành phố H để tiện cho việc truyền hóa chất điều trị bệnh ung thư Vú và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình cho phép (vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị H theo chỉ định: Ông Phạm Đức Hiền - Luật sư Văn phòng luật sư Đức Hiền thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị hại:

1. Chị Hà Thị N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 21, đường T, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Đàm Thị V (tên gọi khác T), sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 218, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Anh Đỗ Văn M, chị Lương Thị Thu H, ông Tạ Khắc K, bà Nguyễn Thị Thúy C, bà Bùi Thị H1 và chị Trịnh Thị H2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Thị H là người không có nghề nghiệp ổn định, do không có tiền để chi tiêu nên H đã nảy sinh ý định dùng giấy tờ đất giả để lừa bán hoặc thế chấp vay tiền. Thực hiện ý định trên, khoảng tháng 3/2020 H thuê một người không quen biết trên mạng Internet làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 6.000.000 đồng. Sau vài ngày, người này đã đưa cho H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 535403 ngày 23/10/2019, do Sở tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, cấp cho Trịnh Thị H sinh năm 1977, số giấy chứng minh nhân dân 164291855, địa chỉ thường trú phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình thửa đất số 168, tờ bản đồ số 9, diện tích 133m², thuộc khu dân cư phía Đông đường trục xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 810729 ngày 19/12/2019, do Sở tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cấp cho Trịnh Thị H sinh năm 1977, số giấy chứng minh nhân dân 164291855, địa chỉ thường trú phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình thửa đất số 123, tờ bản đồ số 45, diện tích 112m² thuộc phố Thanh Bình, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình.

Khi đã có được 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trong các ngày 19/3/2020 và ngày 30/3/2020, Trịnh Thị H đã thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Do có quen biết và biết chị Hà Thị N sinh năm 1978, trú tại phố P, phường N, thành phố N đang cần mua đất, nên ngày 16/3/2020 H đã gọi điện cho chị N rao bán thửa đất số 168, diện tích 133m² ở khu dân cư phía Đông đường trục xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, chị N nghe điện thoại xong đã hẹn với H cùng đi xem vị trí thửa đất nêu trên, thấy vậy H nói với chị N là H đang ở thành phố Hà Nội không về kịp. Đến sáng ngày 19/3/2020, H tiếp tục gọi điện cho chị N nói là dẫn đi xem vị trí thửa đất số 168, lúc này chị N đang bận việc gia đình nên không đi được, biết chuyện nên anh Đỗ Văn M sinh năm 1975

là chồng chị N đã nói với chị N, là bảo H chụp ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi cho anh M, để anh M xem vị trí và tính toán giá trị thửa đất, H đã chụp ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 535403, thửa đất số 168 vào máy điện thoại di động và gửi cho anh M, anh M xem xong nói với chị N là đồng ý mua, ban đầu H đòi giá 1.300.000.000 đồng, nhưng đến 15 giờ cùng ngày thì H đã đồng ý bán với giá 1.200.000.000 đồng.

Sau khi thỏa thuận giá cả mua bán, chị N nói với H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 535403, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu đến nhà chị N để làm thủ tục mua bán, đồng thời chị N gọi điện thoại cho người quen là chị Bùi Thị H1 sinh năm 1961, trú tại phố V, phường N, thành phố N là nhân viên của Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thúy C đến nhà, khi xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 535403 do H đưa và xem xét các giấy tờ khác của cả hai bên, thấy đầy đủ nên chị H1 đã yêu cầu chị N và H đi ra Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thúy C, có trụ sở tại số 1067, đường T, phường V, thành phố N lập hợp đồng ủy quyền số 398 ngày 19/3/2020 với nội dung “Bà Trịnh Thị H là chủ sử dụng thửa đất số 168, tờ bản đồ số 9, diện tích 133m² ở khu dân cư phía Đông đường trục xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho bà Hà Thị N”, H và chị N đã ký vào hợp đồng ủy quyền, sau cùng là bà Nguyễn Thị Thúy C - Công chứng viên của Văn phòng Công chứng ký xác nhận. Sau khi ký kết hợp đồng, chị N và H đi về nhà chị N, tại đây H đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 535403 cho chị N, chị N đã đưa cho H 1.200.000.000 đồng, hai bên không viết giấy biên nhận, có được số tiền 1.200.000.000 đồng H đã sử dụng vào việc chi tiêu cho cá nhân.

Trong quá trình điều tra Trịnh Thị H khai nhận không bán đất cho chị N, mà dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 535403 để thế chấp vay của chị Ngoan số tiền 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc vay mượn tiền giữa hai bên không có giấy tờ cam kết, trên cơ sở nội dung hợp đồng ủy quyền và lời khai của bà Nguyễn Thị Thúy C, chị Bùi Thị H1, chị Hà Thị N và anh Đỗ Văn M có đủ căn cứ xác định Trịnh Thị H đã bán đất cho chị Hà Thị N như nội dung đã nêu trên.

Lần thứ hai: Trịnh Thị H và chị Đàm Thị V (tên thường gọi là T) sinh năm 1990, trú tại phố Đ, phường N, thành phố N có mối quan hệ là chị em họ với nhau, ngày 30/3/2020, H đến nhà hỏi vay chị V 200.000.000 đồng nói là để mua đất, chị V đã yêu cầu H thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới cho vay, H đồng ý và đưa cho chị V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 810729, chị V đã cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lấy tờ giấy H đã ghi nhận nợ chị V 02 lần trước đây ra đưa cho H viết, H đã viết tiếp vào mảnh giấy ghi nhận nợ với nội dung “Ngày 30/3/2020 chị H vay của T 200.000.000 đồng và gửi T cầm bìa đất mang số BG 810729”, sau khi viết xong H đưa mảnh

giấy cho chị V giữ và cầm của chị V 200.000.000 đồng, có được số tiền 200.000.000 đồng H đã sử dụng vào việc chi tiêu cho cá nhân.

Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Trịnh Thị H đưa, chị Hà Thị N và chị Đàm Thị V đã mang đến Văn phòng đăng ký nhà đất thuộc Ủy ban nhân dân thành phố N để làm các thủ tục đăng ký sang tên đổi chủ, qua kiểm tra đã phát hiện thấy có dấu hiệu của việc làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 19/5/2020, văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thúy C đã ký hợp đồng Hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số 398 ngày 19/3/2020, văn phòng đăng ký nhà đất đã chuyển 02 giấy chứng nhận quyền sử đất cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình. Thấy bị lộ Trịnh Thị H đã bỏ trốn, các ngày 11/6/2020, 12/6/2020 và 13/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã cho chị Hà Thị N, Đàm Thị V, chị Bùi Thị H1 nhận dạng Trịnh Thị H qua ảnh. Kết quả đều nhận dạng đúng ảnh của Trịnh Thị H.

Ngày 22/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ra lệnh truy nã đối với Trịnh Thị H, đến ngày 29/10/2020 Trịnh Thị H ra đầu thú tại Công an phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

*** Về kết quả điều tra xác minh đối với người chủ sở hữu đất, xác định:**

- Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 9, diện tích là 133m², thuộc khu dân cư phía Đông đường trục xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 535403, ngày 23/10/2019 do Sở tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình thực tế là cấp cho chị Lương Thị Thu H, sinh năm 1977, số chứng minh nhân dân 0164025995 trú tại phường N, thành phố N.

- Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 45 có diện tích 112m² thuộc phố T, phường N, thành phố Ninh Bình thực tế có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số CM 871319 ngày 13/02/2018, không phải số BG 810729 ngày 19/12/2019, do Sở tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cấp cho ông Tạ Khắc K, sinh năm 1949, số CMND 164535382 và bà Hoàng Thị H sinh năm 1956, số CMND 164498801 đều trú tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

*** Kết luận giám định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu giữ, trưng cầu giám định chữ ký của H tại Hợp đồng ủy quyền với chữ ký tại tờ khai chứng minh nhân dân và trên phiếu thu thập thông tin dân cư:

- Tại bản Kết luận giám định số 29/KLGD-PC09-TL ngày 12/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đã kết luận: *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 535403 đề ngày 23/10/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 810729 đề ngày 19/12/2019*

đều mang tên Trịnh Thị H (Ký hiệu A1, A2) là hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả”.

- Tại bản Kết luận giám định số 32/KLGD-PC09-GĐTL ngày 24/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đã kết luận: *Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dạng chữ viết “H” cuối trang 1, cuối trang 2 và “H- Trịnh Thị H” dưới mục “Bên ủy quyền” tại trang 3 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Trịnh Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người ký, viết ra không. Do mẫu chữ ký, chữ viết của bà Trịnh Thị H được cung cấp sử dụng làm mẫu so sánh số lượng ít, có mẫu thời điểm cách xa (16 năm) đặc biệt không có mẫu so sánh trong thời điểm phát sinh vụ việc là năm 2020.*

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Chị Hà Thị N và chị Đàm Thị V yêu cầu Trịnh Thị H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt gồm: Trả cho chị Hà Thị N số tiền 1.200.000.000 đồng, trả cho chị Đàm Thị V số tiền là 200.000.000 đồng.

*** Về vật chứng và xử lý vật chứng:**

Vật chứng thu giữ gồm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, số CT 535403 ngày 23/10/2019 và số BG 810729 ngày 19/12/2019 đều mang tên Trịnh Thị H. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình chuyển theo hồ sơ vụ án để giải quyết.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-P2 ngày 10 tháng 03 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Trịnh Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021, mở phiên tòa vào hồi 07h 30 phút ngày 18/11/2021 nhưng đến ngày xét xử bị cáo vắng mặt không có lý do. Các bị hại là chị Hà Thị N và chị Đàm Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị N đề nghị Tòa án xét xử buộc bị cáo Trịnh Thị H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho chị là 1.200.000.000 đồng. Chị V đề nghị Tòa án xét xử buộc bị cáo Trịnh Thị H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho chị là 200.000.000 đồng. Các bị hại đều đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Do bị cáo vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/HSST-QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định áp giải bị cáo đến phiên tòa số 01/2021/QĐAG ngày 09/12/2021. Ngày 16/12/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của bị cáo với nội dung bị cáo đang bị ung thư giai đoạn cuối, đã bị liệt cánh tay bên phải, đi lại rất khó khăn

nên không về để Tòa án xét xử được. Bị cáo đề nghị Tòa án xét xử hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/2021 Phòng PC 10 - Công an tỉnh Ninh Bình đã tiến hành áp giải bị cáo nhưng không áp giải được vì bị cáo hiện khó thở, huyết áp cao, sức khỏe rất yếu do bị ung thư giai đoạn cuối đã bị di căn sang phổi và gan, một bên tay đã bị liệt không cử động được, nếu di chuyển quãng đường dài có thể nguy kịch đến tính mạng (có biên bản làm việc có xác nhận của địa phương, cán bộ y tế).

Do không áp giải được bị cáo đến phiên tòa nên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST-QĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14h ngày 24/12/2021.

Đến ngày 24/12/2021 bị cáo Trịnh Thị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Các bị hại là chị Hà Thị N và chị Đàm Thị V cũng vắng mặt tại phiên tòa (đã có đơn xin xét xử vắng mặt). Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định là ông Phạm Đức Hiền có mặt. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và tại điểm b khoản 3 Điều 341; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Thị Hường từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 đến 04 năm tù về tội “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Trịnh Thị H phải chấp hành hình phạt chung là từ 16 đến 18 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trịnh Thị H phải trả lại cho chị Hà Thị N số tiền 1.200.000.000 đồng; chị Đàm Thị V số tiền là 200.000.000 đồng

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo về các tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo do đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn; hiện tại sức khỏe rất yếu do bị ung thư giai đoạn cuối đã bị di căn sang phổi và gan, một bên tay đã bị liệt không cử động được, là các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Thị H, các bị hại là chị Hà Thị N và chị Đàm Thị V vắng mặt nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (BL 382-385); lời khai của chị Hà Thị N (BL 274, 285, 378); lời khai của chị Đàm Thị V (BL 265- 268, 379); lời khai người làm chứng chị Bùi Thị H1 (BL 196 - 211), bà Nguyễn Thị Thúy C (BL 137 - 146, 386); Biên bản thu giữ vật chứng; Bản kết luận giám định số 29/KLGD-PC09-TL ngày 12/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 3 năm 2020 thông qua mạng Intenete, Trịnh Thị H đã tìm và thuê người làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số CT 535403 và số BG 810729 của Sở tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh Ninh Bình cấp đều mang tên Trịnh Thị H. Trong các ngày 19/3/2020 và ngày 30/3/2020, tại nhà của chị Hà Thị N sinh năm 1978, ở phố P, phường N, thành phố Ninh Bình và nhà ở của chị Đàm Thị V (tên thường gọi là T) sinh năm 1990 trú tại phố Đ, phường N, thành phố N, Trịnh Thị H đã sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, lừa bán đất cho chị Hà Thị N và dùng làm tài sản thế chấp vay tiền của chị Đàm Thị V, chiếm đoạt của chị Hà Thị N số tiền 1.200.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Đàm Thị V số tiền 200.000.000 đồng sau đó bỏ trốn. Hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Thị H đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” thuộc trường hợp “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.....

3.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a)

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

.....

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, xâm phạm các lợi ích của Nhà nước, các tổ chức và của công dân, tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo về hành vi thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi dùng giấy chứng nhận đó để lừa chiếm đoạt tài sản của các bị hại; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương nhưng sau đó đã ra đầu thú tại Công an phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; bị cáo bị bệnh ung thư vú giai đoạn cuối đã bị di căn sang phổi và gan hiện sức khỏe yếu, đã bị liệt cánh tay phải, đi lại rất khó khăn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trịnh Thị H đã 02 lần sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để chiếm đoạt tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải điều trị bệnh ung thư vú nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã dùng hai giấy chứng nhận giả để chiếm đoạt của chị Hà Thị N số tiền 1.200.000.000 đồng và chị Đàm Thị V số

tiền 200.000.000 đồng. Do đó cần buộc bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho chị Hà Thị N và chị Đàm Thị V.

[4] Trong vụ án này đối tượng được Trịnh Thị H thuê làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với giá 6.000.000 đồng, H khai do liên hệ qua mạng Internet nên không biết họ tên, địa chỉ, do vậy không đủ căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ.

Đối với anh Vũ Lai T là chồng của bị cáo Trịnh Thị H, anh T đã bỏ đi khỏi địa phương từ cuối năm 2019, không xác định được địa chỉ, nơi ở. Bị cáo H khai: việc đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị N và chị V là do mình bị cáo làm, anh T không biết. Tên người sở hữu trên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả Do vậy cơ quan là Trịnh Thị H, không có tên anh T. Các bị hại là chị N và chị V cũng xác định khi giao dịch mua bán đất, vay tiền, cũng như đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có mình bị cáo H, không có mặt anh T. Hiện tại Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh T. Do đó Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến anh T để tiếp tục điều tra làm rõ.

Tài sản của gia đình bị cáo hiện nay gồm đất và nhà ở tại số 111, đường N, phố V, phường T, thành phố N. Năm 2018 vợ chồng bị cáo đã thế chấp vay tiền Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội chi nhánh tại Ninh Bình đến nay chưa trả được. Tính đến ngày 10/3/2021 tổng dư nợ là 3.430.300.013 đồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 143862 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 17/3/2017 mang tên ông Vũ Lai T và bà Trịnh Thị H hiện đang là tài sản bảo đảm cho khoản vay trên.

Đối với bà Bùi Thị H1 nhân viên văn phòng và bà Nguyễn Thị Thúy C công chứng viên văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thúy C, là những người đã xem xét đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác của chị N và của Trịnh Thị H, nhưng không biết và không phát hiện được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Tuy nhiên quá trình ký xác nhận hợp đồng ủy quyền đã thực hiện đầy đủ các quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Công chứng, do vậy không có căn cứ xử lý.

[5] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác; tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo Trịnh Thị H bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thị H **13** (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và **03** (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **16** (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho chị Hà Thị N số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*); chị Đàm Thị V số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 54.000.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC02 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Người bào chữa;
 - Bị hại (01 bản);
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa & Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Bùi Thị Thảo**